

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt giá trị mua sắm**  
**thiết bị y tế năm 2014 của Bệnh viện Đa khoa huyện Buôn Đôn.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND&UBND, ngày 26/11/2013;  
Căn cứ Thông tư số 68/2012/TT-BTC, ngày 26/4/2012 của Bộ Tài chính quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân;  
Xét Tờ trình số 284/TTr-STC, ngày 04/7/2014 của Sở Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá trị mua sắm thiết bị y tế năm 2014 Bệnh viện Đa khoa huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, với các nội dung sau:

1. Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.
2. Tên gói thầu: Mua sắm tài sản, trang thiết bị y tế năm 2014.
3. Địa điểm giao hàng: Bệnh viện Đa khoa huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.
4. Nguồn vốn đầu tư : Ngân sách Nhà nước.
5. Giá trị mua sắm thiết bị y tế mới 100% là: 1.049.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu đồng).

Giá trị mua sắm trên đã bao gồm: Giá mua có thuế theo luật định; Chi phí vận chuyển, lắp đặt; Bảo hành và bảo trì theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Các thông số kỹ thuật của thiết bị như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

6. Thời gian thực hiện: Năm 2014.

**Điều 2.** Bệnh viện Đa khoa huyện Buôn Đôn (chủ đầu tư) có trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch đấu thầu nói trên theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Y tế; Giám đốc Bệnh viện Đa khoa huyện Buôn Đôn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận: *nsb*  
- Như Điều 3;  
- CT, PCTUBND tỉnh (đ/c MHoan);  
- PVPUBND tỉnh (đ/c Bình);  
- Phòng TH, TCTM;  
- Lưu:VT, VHXH (T.15).

  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

**Mai Hoan Niê Kdăm**

**PHỤ LỤC:**  
**GIÁ MUA SẴM THIẾT BỊ Y TẾ NĂM 2014**  
**CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN BUÔN ĐÔN**  
(Kèm theo Quyết định số: 1571 /QĐ-UBND, ngày 14/7/2014 của UBND tỉnh)  
Đơn vị tính: đồng

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	<b>Máy sinh hóa tự động</b> - Model: PICTUS 400. - Hãng sản xuất: Diatron - Hungary. - Xuất xứ: Châu Âu. - Năm sản xuất: 2013 - 2014, mới 100%. - Đạt chứng nhận chất lượng: ISO, CE/EC hoặc tương đương. * <b>Cấu hình:</b> - 01 Máy chính (không có điện giải). - 01 Đầu đọc barcode. - 01 Máy vi tính, CPU, màn hình LCD. - 01 Máy in laser trắng đen. - 01 USP online 2 KVA. - 01 Bộ hóa chất đi kèm: GLU, SGOT, SGPT. - 02 Cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt. * <b>Thông số kỹ thuật:</b> <b>Mẫu thử:</b> - Khả năng xử lý mẫu liên tục, ngẫu nhiên, riêng lẻ. - 48 Vị trí. - Có thể chứa dụng cụ 100ml. - Chấp nhận mẫu thử nhi khoa thể tích nhỏ. - Thẻ tích mẫu thử có thể cài đặt: 2 - 100 $\mu$ L. - Nhập mẫu thử liên tục, có thể dừng bất kỳ. - Pha loãng mẫu thử. <b>Hóa chất:</b> - 48 Vị trí có giữ lạnh. - Thẻ tích hóa chất có thể cài đặt. - Hóa chất 1 (R1): 0 - 700 $\mu$ L. - Hóa chất 2 (R2): 0 - 450 $\mu$ L. <b>Hệ thống hút:</b> - Kim hút mẫu có làm ấm. - Cảm biến thể tích. - Rửa kim hút cả bên trong và bên ngoài. - Pha loãng ngay trên khay phản ứng nhờ van riêng. - 80 Cuvettes, bộ rửa 5 đầu.	Máy	01	749.000.000	749.000.000

- Tiêu bao.  
- Ủ bằng khí ẩm 30<sup>0</sup>C - 37<sup>0</sup>C cuvette sử dụng lại.

**Hệ thống quang:**

- Tia sáng kép.
- Bước sóng: 340, 405, 450, 505, 550, 590, 650, 700 và 750 nm.
- Độ rộng: 10 nm.
- Khoảng đo: -0,1 đến 3,6A.
- Nguồn sáng: Đèn halogen 6V - 20W.

**Kiểu phân tích:**

- Tuyến tính mẫu trắng, mẫu trắng hóa chất.
- Sử dụng hóa chất factor và standard.
- Chọn mẫu theo nhóm, theo khay hóa chất.
- Cho phép chuẩn calib đến 10 standards.
- Tự động hoàn chỉnh đường biểu diễn.
- Đo độ đục.
- Đông máu.
- Động học và động học 2 điểm.
- Phân tích mẫu bình thường, mẫu ưu tiên.
- Tự động pha loãng mẫu thử.
- Kiểm chuẩn theo biểu đồ: Levy-Jennings, Westgaard.
- Trích, xuất ra dạng file phổ biến.

**Tốc độ phân tích:**

- 280 Xét nghiệm/ giờ.
- 360 Xét nghiệm/ giờ (có thêm điện giải).

**Khối điện giải (tùy chọn):**

- Na<sup>+</sup>, K<sup>+</sup>, Cl<sup>-</sup>.
- Loại mẫu thử: Huyết thanh, nước tiểu.
- Tuyến tính.
- Động học.
- Đọc mã vạch hóa chất và mẫu.
- Miễn dịch (độ đục).
- Đông máu.
- Điện giải.
- Tuyến tính và động học.
- ISE (Điện giải).
- Mẫu và mẫu trắng thuốc thử.
- Calib dạng đường cong, tuyến tính, factor.
- Star, liên tục, ngẫu nhiên.
- 360 Test/ giờ.
- Tự pha loãng.
- 48 Xét nghiệm cài sẵn.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự pha loãng mẫu thử.</li> <li>- Trộn mẫu ngay trong kim hút.</li> <li>- Quản lý kiểm chuẩn.</li> <li><b>Kim hút đa chức năng:</b></li> <li>- Phát hiện va chạm.</li> <li>- Cảm biến chất lỏng.</li> <li>- Làm ấm.</li> <li>- Lắc/ trộn.</li> <li>- Tự rửa trong và ngoài.</li> <li><b>Khay hóa chất:</b></li> <li>- 80 Vị trí.</li> <li>- Ủ bằng khí ấm.</li> <li>- Tự động điều khiển cuvette.</li> <li>- Thay cuvette từng cung tròn.</li> <li>- Rửa cuvette 5 bước.</li> <li><b>Mẫu thử và hóa chất:</b></li> <li>- 48 Vị trí: Ống 13 mm, 75 - 100 mm.</li> <li>- Khoảng hút mẫu: 2 - 100 <math>\mu</math>L.</li> <li>- 48 Vị trí hóa chất, có giữ lạnh.</li> <li>- Thể tích 20mml, 50mml.</li> <li>- Đầu mã vạch cho hóa chất và mẫu thử.</li> <li>- Khay lạnh hoạt động 24 giờ.</li> <li><b>Phần mềm:</b></li> <li>- Thiết kế dễ sử dụng.</li> <li>- Chạy trên nền windows.</li> <li>- Quản lý kiểm chuẩn.</li> <li><b>Quản lý dữ liệu:</b></li> <li>- Chạy đa nhiệm trên nền windows.</li> <li>- Cổng giao tiếp RS 232C.</li> <li><b>Yêu cầu nguồn điện:</b> 85 đến 230 VAC, 50/ 60HZ, 400VA.</li> <li>- Kích thước: (85 x 58 x 47) cm, (41 x 30 x 33) in.</li> <li>- Khối lượng: 64 kg.</li> </ul>				
2	<p><b>Máy huyết học tự động 18 thông số</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Model: ABACUS 380 hoặc tương đương.</li> <li>- Hãng sản xuất: Diatron MI PLC - Hungary.</li> <li>- Xuất xứ: Châu Âu.</li> <li>- Năm sản xuất: 2013 - 2014, mới 100%.</li> <li>- Đạt chứng chỉ chất lượng: ISO, CE/ EC hoặc tương đương.</li> <li><b>* Cấu hình:</b></li> <li>- 01 Máy chính.</li> <li>- 02 Cuộn giấy in nhiệt.</li> <li>- 01 Bình chứa nước thải.</li> <li>- 01 Dây nguồn + adapter.</li> <li>- 01 Bộ ống dẫn hóa chất.</li> <li>- 03 Sample adapter.</li> </ul>	Máy	01	300.000.000	300.000.000

- 02 Cuốn sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt.

- Hóa chất vận hành máy ban đầu:

+ 01 Thùng Diatro Dil Diff (20L).

+ 01 Lọ Diatro Lyse Diff (1L).

+ 01 Lọ Diatro Clenz (1L).

+ 01 Lọ Diatro Hypoclean CC (100ml).

**\* Đặc điểm:**

- Máy phân tích huyết học là máy huyết học 3 thành phần bạch cầu hàng đầu. 80 mẫu/ giờ, máy rất nhẹ, rất thuận tiện với màn hình cảm ứng.

- Dễ sử dụng: Máy với menu đa ngôn ngữ, có tiếng Việt. Màn hình cảm ứng cho người sử dụng nhiều sự lựa chọn. Nhập dữ liệu và in kết quả bệnh nhân nhanh và chính xác với 3 biểu đồ lớn. Máy được thiết kế không cần bảo trì.

- Thiết kế độc đáo: Máy đo 18 thông số - 3 thành phần bạch cầu chỉ trong 45 giây. Tất cả chức năng có sẵn trên giao diện giúp người sử dụng vận hành máy nhanh và hiệu quả. 04 cổng USB kết nối các thiết bị bên ngoài. Máy thiết kế nhỏ gọn, nhẹ và vận hành rất êm.

- Tin cậy và hiệu quả: Motor xoay lấy mẫu loại bỏ được tình trạng mẫu bị lỗi và tiếp xúc kim hút mẫu. Kiểm chuẩn: QC, SD và CV cho tất cả các thông số, có biểu đồ Levey-Jennings.

**\*Thông số kỹ thuật:**

**Các thông số đo được: 18 thông**

**số - 3 thành phần bạch cầu:**

- Bạch cầu: WBC, LYM, LYM%, MID, MID%, GRA, GRA%.

- Hồng cầu: RBC, HCT, MCV, RDW, HGB, MCH, MCHC.

- Tiểu cầu: PLT, PCT, MPV, PDW.

+ Độ chính xác: WBC 3%, RBC 3%, HCT 3%, MCV 2%, HGB 2%, PLT 5%.

+ Độ lặp lại: WBC 3%, RBC 2%, HCT 3%, MCV 1%, HGB 2%, PLT 5%.

+ Sai biệt trung bình: WBC < 1%, RBC < 1%, HCT < 1%, MCV N/A, HGB < 1%, PLT < 3% hoặc < 20%.

+ Khoảng đo: WBC 4,0 - 20,0, RBC 4,0 - 15,0, HCT 25,0 - 50,0, MCV 60 - 100, HGB 9 - 16, PLT 200 - 900.

<p>+ Đơn vị: WBC <math>10^3/\mu\text{L}</math>, RBC <math>10^6/\mu\text{L}</math>, HCT %, MCV Fl, HGB g/dl, PLT <math>10^3/\mu\text{L}</math>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốc độ: 80 mẫu giờ.</li> <li>- Thẻ tích mẫu: 25 ul máu toàn phần, 50 ul máu toàn phần (pha loãng).</li> <li>- Buồng đo: 2 buồng đo.</li> <li>- Thẻ tích khe đếm: RBC, PLT: 70 <math>\mu\text{m}</math>; WBC: 100 <math>\mu\text{m}</math>.</li> <li>- Kiểu ống mẫu: Ống mở tự động xoay lấy mẫu.</li> <li>- Bộ phận cấp mẫu dạng xoay an toàn và dễ sử dụng.</li> <li>- Hệ thống tự phát xung cao áp hủy vật cản khe đếm khi bị nghẹt.</li> <li>- Calib tự động, người sử dụng chỉ định calib WBC, HGB, PLT, MCV (HCT), RDW, MPV.</li> <li>- Lưu trữ: 1.000 kết quả, kèm biểu đồ.</li> <li>- Nguyên lý đo: Phương pháp trở kháng.</li> </ul> <p><b>Tính năng của phần mềm xử lý hệ thống:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao diện sử dụng: Rất dễ sử dụng, menu có trực tiếp trên màn hình cảm ứng, có nút start riêng biệt.</li> <li>- Màn hình cảm ứng hiển thị thông tin bệnh nhân, kết quả, biểu đồ (320 x 240 - dots).</li> <li>- Ngôn ngữ: Nhiều ngôn ngữ.</li> <li>- Nâng cấp phần mềm: Từ USB.</li> <li>- Máy in nhiệt có sẵn trên máy: In kết quả kèm biểu đồ, giấy 58mm.</li> <li>- Giao tiếp máy in ngoài (chọn thêm): Cổng USB, máy in HP hoặc tương đương.</li> <li>- Lưu trữ dữ liệu: cổng USB.</li> </ul> <p><b>Đặc điểm khác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 320 x 260 x 365.</li> <li>- Khối lượng: 12 kg.</li> <li>- Nhiệt độ môi trường: 15 - 30<sup>0</sup>C, nhiệt độ 25<sup>0</sup>C.</li> <li>- Nguồn điện: 12VDC, 5A, 60W.</li> </ul>			
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.049.000.000</b>